

Số: 34/2018/ QĐST - HNGĐ

N, ngày 21 tháng 3 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2017/TLST/HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa:

\* Nguyên đơn: Anh Mai Văn N – Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

\* Bị đơn: Chị Đỗ Thị T – Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Mai Văn N – Sinh năm: 1977; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và chị Đỗ Thị T – sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn N và chị Đỗ Thị T đều tự nguyện thoả thuận xin được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Mai Văn N và chị Đỗ Thị T đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Mai Quang D, sinh ngày 08/9/1999 và cháu Mai Hương D, sinh ngày 21/10/2006. Hiện cháu D đã trưởng thành nên vợ chồng ly hôn không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh N chị T thống nhất thỏa thuận giải quyết con chung cụ thể như sau: Chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi cháu Mai Hương D, sinh ngày 21/10/2006; anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Anh Mai Văn N và chị Đỗ Thị T đều thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Văn N và chị Đỗ Thị T đều thỏa thuận anh N nộp toàn bộ. Anh Mai Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/06113 ngày 31/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N (anh Mai Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm); Hoàn trả anh Mai Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 150.000 đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện N;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**(đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**